TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/DS-ST
Ngày: 24/8/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Lam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Hà

Ông Lê Văn Danh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Tú Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Kim Thị Cẩm Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 24/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Đỗ Sơn L**. Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Võ Minh T**. Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thành phố C, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 12 năm 2022) (Có mặt)

- *Bị đơn*: Ông **Từ Nghiêm A.** (Có mặt). Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Bà **Đỗ Thị Thúy V.** Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

2/ Bà **Lư Xuân H** (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2022 của nguyên đơn ông Đỗ Sơn L, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải cùng ngày 22/6/2023 và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Võ Minh T trình bày :

Theo đơn khởi kiện, ông Đỗ Sơn L trình bày: Nguyên vào ngày 01/04/2021 âm lịch (nhằm ngày 12/5/2021 dương lịch), ông Từ Nghiêm A có hỏi mượn ông Đỗ Sơn L một số tiền là 350.000.000 đồng, không có lãi suất, thời hạn trả theo thỏa thuận miệng là 12 tháng. Do quen biết nên ông L đồng ý cho mượn. Lúc mượn số tiền trên thì ông A có làm giấy viết tay cho ông L. Sau khi mượn tiền thì ông A có trả được cho ông L một số tiền tổng cộng là 67.000.000 đồng. Nhưng kể từ ngày 12/5/2022 thì ông A không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho ông L.

Ông L có nhiều lần liên hệ gặp trực tiếp Ông A để đòi số tiền vốn gốc mà ông A đã mượn của ông L, nhưng ông A cứ hứa hẹn nhiều lần và cố tình trốn tránh không trả tiền vốn gốc cho ông L.

Như vậy ông A còn thiếu tiền mượn của ông L tổng cộng là: 350.000.000 đồng – 67.000.000 đồng = 283.000.000 đồng.

Do đó, theo đơn khởi kiện ông Đỗ Sơn L yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết:

Buộc ông Từ Nghiêm A phải có trách nhiệm trả cho ông L số tiền là 283.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tuy nhiên, sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì ông Từ Nghiêm A có trả thêm cho ông Đỗ Sơn L số tiền là 40.000.000 đồng. Do đó, hiện nay ông Từ Nghiêm A chỉ còn nợ lại ông Đỗ Sơn L số tiền là 243.000.000 đồng.

Tại phiên hòa giải ngày 22/6/2023, nguyên đơn đã xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H liên đới trả cho ông Đỗ Sơn L số tiền là 243.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu này.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 16/3/2023; biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải cùng ngày 22/6/2023 và tại phiên tòa, bị đơn ông Từ Nghiêm A trình bày:

Vào ngày 16/01/2019 vợ chồng ông A, bà H có mượn của bà Đỗ Thị Thúy V số tiền vốn là 200.000.000 đồng. Đến tháng 4/2021 thì bà V và vợ chồng ông A, bà H có thỏa thuận là bà V chuyển khoản nợ 200.000.000 đồng sang cho ông Đỗ Sơn L, coi như vợ chồng ông A, bà H không còn nợ bà V số tiền 200.000.000 đồng nữa mà vợ chồng ông A, bà H chỉ nợ của ông Đỗ Sơn L (Ông L là anh ruột bà V). Do đó, ngày 01/4/2021 thì ông Đỗ Sơn L mới lập biên nhận có nội dung là Từ Nghiêm A có mượn của ông Đỗ Sơn L số tiền là 350.000.000 đồng (Trong đó là bao gồm 200.000.000 đồng tiền nợ từ bà V chuyển qua và tiền mượn mới là 150.000.000 đồng), sau đó vợ chồng ông A, bà H đã trả cho ông Đỗ Sơn L được tổng cộng 107.000.000 đồng tiền vốn. Hiện nay, vợ chồng ông A, bà H chỉ còn nợ lại ông Đỗ Sơn L số tiền vốn là 243.000.000 đồng. Ông Từ Nghiêm A thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền ngày 01/4/2021 đúng là chữ ký của ông Từ Nghiêm A.

Vợ chồng ông A, bà H chỉ đồng ý trả số tiền 243.000.000 đồng này cho ông Đỗ Sơn L khi bà Đỗ Thị Thúy V thừa nhận là bà V đã chuyển khoản nợ 200.000.000 đồng mà vợ chồng ông A, bà H đã nợ của bà V sang qua cho ông Đỗ Sơn L. Nhưng do bà V không thừa nhận nên vợ chồng ông A, bà H không đồng ý trả nợ cho ông L bởi vì trong số nợ 350.000.000 đồng này thì có 200.000.000 đồng bà V chuyển nhượng qua cho ông L nhưng nay bà V nói không có chuyển nhượng nên ông không đồng ý trả nợ cho ông L.

Tại phiên tòa, ông Từ Nghiêm A trình bày: Số tiền 350.000.000 đồng mà ông mượn của ông Đỗ Sơn L vào ngày 01/4/2021 là do bà Đỗ Thị Thúy V chuyển nhượng qua cho ông Đỗ Sơn L, coi như vợ chồng ông không còn nợ tiền bà V nữa mà chỉ còn nợ tiền của ông Đỗ Sơn L.

Ông thừa nhận hiện nay ông còn nợ của ông Đỗ Sơn L số tiền là 243.000.000 đồng. Vợ chồng ông đồng ý trả cho ông Đỗ Sơn L số tiền này nhưng xin được trả dần, mỗi tháng trả 15.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vì hiện nay gia đình ông đang gặp khó khăn về kinh tế.

Theo biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải cùng ngày 22/6/2023 và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lư Xuân H trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của chồng là ông Từ Nghiêm A. Bà thừa nhận hiện nay vợ chồng bà còn nợ của ông Đỗ Sơn L số tiền là 243.000.000

đồng. Vợ chồng bà đồng ý trả cho ông Đỗ Sơn L số tiền này nhưng xin được trả dần, mỗi tháng trả 15.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vì hiện nay gia đình bà đang gặp khó khăn về kinh tế.

Theo biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải cùng ngày 22/6/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị Thúy V trình bày:

Vào ngày 16/01/2019 bà V có cho vợ chồng ông A, bà H mượn số tiền là 200.000.000 đồng. Số tiền này thì bà cũng đang khởi kiện yêu cầu ông A, bà H trả cho bà bằng vụ kiện khác. Còn việc ông A cho rằng bà có thỏa thuận với vợ chồng ông A là chuyển số nợ 200.000.000 đồng mà ông A, bà H nợ của bà qua cho ông Đỗ Sơn L là hoàn toàn không đúng sự thật, bà không có thỏa thuận gì với ông A, bà H hết. Còn việc ông A, bà H mượn tiền của ông Đỗ Sơn L thì bà không biết.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

+ Đối với nguyên đơn ông Đỗ Sơn L đã thực hiện, chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Đối với bị đơn ông Từ Nghiêm A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lư Xuân H, bà Đỗ Thị Thúy V đã thực hiện, chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a, Khoản 1 Điều 35; Điểm a, Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Từ Nghiêm A và bà Lư Xuân H có trách nhiệm thanh toán trả lại cho nguyên đơn ông Đỗ Sơn L số tiền 243.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Đỗ Sơn L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H phải liên đới trả cho ông Đỗ Sơn L số tiền vốn vay còn nợ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông Từ Nghiêm A có hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Thúy V vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Đỗ Thị Thúy V.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Sơn L yêu cầu ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H liên đới trả cho ông Đỗ Sơn L số tiền là 243.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi thì thấy rằng: Ông Đỗ Sơn L cho rằng ngày 01/4/2021 ông Đỗ Sơn L có cho ông Từ Nghiêm A mượn số tiền là 350.000.000 đồng và để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì ông Đỗ Sơn L có cung cấp cho Tòa án "Giấy mượn tiền" đề ngày 01/4/2021 (Bút lục 33). Sau đó, ông Từ Nghiêm A đã trả cho ông Đỗ Sơn L số tiền 107.000.000 đồng. Hiện nay, ông A, bà H chỉ còn nợ lại của ông Đỗ Sơn L số tiền là 243.000.000 đồng nên ông Đỗ Sơn L yêu cầu ông A, bà H liên đới trả lại cho ông L số tiền này, không yêu cầu trả lãi. Phía bị đơn ông Từ Nghiêm A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lư Xuân H đều thừa nhận ông Từ Nghiêm A có mượn của ông Đỗ Sơn L số tiền là 350.000.000 đồng theo "Giấy mượn tiền" đề ngày 01/4/2021 mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án, ông A, bà H thừa nhận đây là nợ chung của vợ chồng ông A, bà H. Ông Từ Nghiêm A cũng thừa nhận chữ ký trong "Giấy mượn tiền" đề ngày 01/4/2021 đúng là chữ ký của ông A. Ông A, bà H thừa nhận đã trả cho ông Đỗ Sơn L số tiền là 107.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 243.000.000 đồng. Ông A, bà H đồng ý trả số tiền này cho ông Đỗ Sơn L nhưng xin được trả dần, mỗi tháng trả 15.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vì gia đình ông, bà đang gặp khó khăn về kinh tế.

Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Như vậy, ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H đã thừa nhận là hiện nay ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H còn nợ ông Đỗ Sơn L số tiền vốn vay là 243.000.000 đồng. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu ông A, bà H liên đới trả số tiền vốn còn nợ là 243.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Đối với việc bị đơn ông Từ Nghiêm A cho rằng giữa bà V và vợ chồng ông A, bà H có thỏa thuận là bà V chuyển khoản nợ 350.000.000 đồng sang cho ông Đỗ Sơn L, coi như vợ chồng ông A, bà H không còn nợ bà V số tiền 200.000.000 đồng nữa mà vợ chồng ông A, bà H chỉ nợ của ông Đỗ Sơn L (Ông L là anh ruột bà V). Do đó, ngày 01/4/2021 thì ông Đỗ Sơn L mới lập biên nhận có nội dung là Từ Nghiêm A có mượn của ông Đỗ Sơn L số tiền là 350.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông Từ Nghiêm A không cung cấp được chứng cứ để chứng minh có việc thỏa thuận này. Phía ông Đỗ Sơn L, bà Đỗ Thị Thúy V đều cho rằng không có sự thỏa thuận này. Do đó, không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Mặc dù theo "Giấy mượn tiền" đề ngày 01/4/2021 thì ông Từ Nghiêm A là người trực tiếp mượn tiền của ông Đỗ Sơn L. Tuy nhiên, cả ông A, bà H đều thừa nhận đây là nợ chung của ông A, bà H. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đỗ Sơn L số tiền là 243.000.000 đồng.

[5] Đối với việc ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H xin được trả dần số nợ 243.000.000 đồng, mỗi tháng trả 15.000.000 đồng cho đến khi hết nợ thì nguyên đơn không đồng ý nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tiền lãi vay: Do nguyên đơn không yêu cầu ông A, bà H trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Sơn L, buộc ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn ông Đỗ Sơn L số tiền là 243.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Từ những phân tích nêu trên nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là (243.000.000 đồng x 05%) = 12.150.000 đồng theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn ông Đỗ Sơn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.075.000 đồng theo biên lai

thu tiền tạm ứng án phí của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Sơn L.

1.1. Buộc ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Đỗ Sơn L số tiền là 243.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu đồng).

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 12.150.000 đồng (Mười hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn ông Đỗ Sơn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.075.000 đồng (Bảy triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005775 ngày 22/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

3. Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy Lam